

HOA NÔNG NỮ CHÔ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :306

Sang : Hủ tíu thốt tom mốc thốt nam mốp ca
rot gia hẻ
Sữa grow
Trữa : Cơm mầm chổng trồng nam meo.
Canh bau tom kho thốt heo nạc ngo rí
Mon luoc: rau đen
Xe: sữa chua
Xe chieu: bún thốt cha ca nam mốp bap gia
ca rot

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 36964				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân gia(đ/100g)	Thanh tiền(đ)
	*CHÔ			
1	Tom kho	200	78,100	156,200
2	Ram (muoi)	3,000	1,060	31,800
3	Chả cá ba sa	1,500	11,880	178,200
4	Tom bien	2,200	36,020	792,440
5	Mốc tồ	1,000	33,500	335,000
6	Nhóc mầm Ca (loại 1)	3,000	6,160	184,800
7	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
8	Nhông cat	4,000	3,880	155,200
9	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
10	Xì dầu	1,000	990	9,900
11	Mầm tom nạc	1,500	15,400	231,000
12	Hạt tiêu	100	31,900	3,190
13	Gạo tẻ may	17,000	2,630	447,100
14	Hủ tíu	16,000	1,820	291,200
15	Ngo (bap) tồ	1,000	4,200	42,000
16	Hạnh lả	1,500	5,460	81,900
17	Hạnh củ tồ	1,500	6,300	94,500
18	Cà rot	5,500	5,780	317,900
19	Nam rôm	1,000	14,180	141,800
20	Rau ngo (Rau mùi)	200	8,930	17,860
21	Gia nấu xanh	2,000	2,730	54,600
22	Hẻ lả	100	5,360	5,360
23	Mốp	4,000	4,200	168,000
24	Rau đen	3,500	3,780	132,300
25	Bí (bầu)	9,000	3,680	331,200
26	Mốc nhó (nam meo)	200	16,500	33,000
27	Bún	18,000	1,710	307,800
28	Thốt lớn nạc	14,000	18,480	2,587,200
29	Mô lớn song	2,000	11,030	220,600
30	Trồng vớt	13,000	5,400	702,000
31	Yaourt	30,800	5,950	1,832,600
Cong				10,142,460
	*XUAT KHO			
32	Sữa bột Abbot Grow	5,700	20,500	1,168,500
Cong				1,168,500
Tổng tiền thức phẩm				11,310,960 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nhóc chi trong ngày				11322000(đ)
Số đồ nấu ngay				0(đ)
Số đồ cuối ngày				11040(đ)
Xuất ăn luy kế tờ nấu tháng				
Tiêu chuẩn luy kế tờ nấu tháng				
Tiền chi luy kế tờ nấu tháng				